TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. T **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05/5/2020
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Dương Thị Phương Dung**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Xuân Vinh**
Bà **Võ Thị Bời**
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Hồ Thị Thư** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T*** *tham gia phiên tòa*: Ông **Nguyễn Giỏi Mạnh Phi** - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 05 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 891/2019/TLST-HNGĐ ngày 19/12/2019 về việc ***"Ly hôn"***, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/4/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/4/2020 giữa các đương sự sau:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H** - Sinh năm 1984
Địa chỉ: 5B khóm T, phường T, thành phố T. (Có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hoài T** - Sinh năm 1975
Địa chỉ: 5B khóm T, phường T, thành phố T. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 17/01/2020: Tôi và anh Nguyễn Hoài T kết hôn năm 2002 có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Hiện nay tôi và anh T đã ly thân mạnh ai nấy sống không quan tâm đến nhau. Vì vậy, tôi xin ly hôn với anh T.

Tôi và anh T có 02 con chung là Nguyễn Hoài L sinh ngày 10/5/2001 và Nguyễn Hồng H sinh ngày 13/8/2006. Cháu Hoài L đã trưởng thành khỏe mạnh còn cháu Hồng H tôi xin nuôi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng

Tài sản chung và nợ chung chúng tôi tự giải quyết.

Bị *đơn ông Nguyễn Hoài T:* Đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng ông T cố tình tránh né, không đến Toà án để giải quyết việc ly hôn nên Toà án không thể tiến hành lấy lời khai và hoà giải được hai bên.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung, giao con chung là Nguyễn

Hồng H sinh ngày 13/8/2006 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, không xem xét do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục tố tụng:*

- Việc bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Hoài T, xét yêu cầu khởi kiện của bà H là hoàn toàn đúng pháp luật nên chấp nhận và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T. Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Hoài T đã được Tòa án thông báo việc thụ lý vụ án và triệu tập đến Toà án giải quyết việc ly hôn nhưng ông T cố tình không đến, tuy nhiên Toà án đã tiến hành các thủ tục tống đạt theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên toà hôm nay ông T lại vắng mặt, đây là lần thứ hai nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hoài T và bà Nguyễn Thị H.

** Về nội dung vụ án:* Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hoài T tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân phường T – thành phố T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 26/4/2002. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống, cuộc sống hôn nhân của bà H và ông T không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H. Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hoài T

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hoài T có 02 con chung là Nguyễn Hoài L sinh ngày 10/5/2001 và Nguyễn Hồng H sinh ngày 13/8/2006. Cháu Hoài L đã trưởng thành khỏe mạnh . Xét yêu cầu của bà H là xin nuôi cháu Hồng H và không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Bản thân cháu Hồng H cũng xin được sống với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà H, giao con chung Nguyễn Hồng H sinh ngày 13/8/2006 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 264, Điều 267 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, Bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Nguyễn Hoài T.

2/ Về con chung: giao con chung Nguyễn Hồng H sinh ngày 13/8/2006 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Hoài T.

Ông Nguyễn Hoài T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng bà H đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0015789 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T, bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí HNGĐ-ST.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tỉnh H;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. T;
- Chi cục thi hành án Dân sự Tp. T;
-UBND phường T-Tp. T -tỉnh H
(Giấy CNKH số 49 ngày 26/4/2002);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đào Dương Thị Phương Dung